BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: 3963 /BC-TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO
Kết quả lấy ý kiến của nhà tuyển dụng đại học chính quy tốt nghiệp năm 2016

Triển khai Kế hoạch 852/KH-TĐHHN ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc lấy ý kiến của người đã tốt nghiệp 2016 và người sử dụng lao động về chất lượng chương trình đào tạo. Nhà trường tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhà tuyển dụng lao động sinh viên đại học chính quy khóa 2 tốt nghiệp năm 2016 như sau:

I. Nội dung khảo sát

1. Mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp với công việc hiện tại.

2. Những kiến thức, kỹ năng cần bổ sung của sinh viên sau tốt nghiệp so với yêu cầu của xã hội.

II. Đối tượng khảo sát

Các nhà tuyển dụng sinh viên đại học chính quy khóa 2 tốt nghiệp 2016. Cụ thể:

TT	Ngành	Số lượng nhà tuyển dụng lấy ý kiến	Số lượng nhà tuyển dụng tham gia
1	Công nghệ thông tin	20	5
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	20	19
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	20	9
4	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	20	5
5	Khí tượng học	13	4
6	Kế toán	20	20
7	Thủy văn	10	1
8	Quản lý đất đai	20	20
	Tổng số	**143**	**83**

III. Phương thức lấy phiếu: Lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát.

IV. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN

1. **Nhà sử dụng lao động:** Theo phụ lục 1 đính kèm.

2. Ý kiến đóng góp khác của nhà sử dụng lao động nhằm giúp Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo:

a. Ngành Thủy văn:

- Đào tạo chuyên sâu, tập trung vào việc ứng dụng, quản lý vận hành hệ thống quan trắc thủy văn tự động, có đủ khả năng độc lập thực hiện nhiệm vụ quan trắc tính toán, chỉnh lý số liệu thủy văn; có kỹ năng tổng hợp độc lập các báo cáo về thủy văn.

- Đối với dự báo thủy văn và nhiệm vụ khác liên quan đến thủy văn: Đào tạo theo hướng có khả năng nhận thức đầy đủ về chu trình thủy văn, bản chất vật lý, hóa học, địa lý, ngoại ngữ, tin học từ đó có khả năng ứng dụng tốt các mô hình tính toán dự báo thủy văn đang phổ biến trong nước và trên thế giới.

b. Ngành Khí tượng học:

- Nhà trường cần giảng dạy sâu hơn về cách quan trắc các loại hiện tượng khí tượng.

- Cần chú trọng khâu tuyển sinh đầu vào cả về số lượng và chất lượng.

c. Ngành Công nghệ thông tin:

- Đào tạo sát với thực tế hơn, cần đào tạo sâu hơn về lập trình, chú trọng thực hành, thực tập.

- Cần cho sinh viên thực tập sớm để có kiến thức thực tế đáp ứng kinh nghiệp và chuyên môn sau khi ra trường.

d. Ngành Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ:

- Cho sinh viên thực hành nhiều hơn.
- Cần nghiên cứu chuyên sâu về đổi mới công nghệ.
- Cần trau dồi thêm kiến thức về ngoại ngữ.

e. Ngành Quản lý đất đai:

- Tăng cường đào tạo thực tế, các môn học thực hành để sinh viên áp dụng được lý thuyết học được vào công việc.
- Nâng cao trách nhiệm và chất lượng giảng dạy của Giảng viên.
- Cần bổ sung cho sinh viên các hệ thống, tổng hợp kiến thức.

f. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường:

- Nâng cao trình độ giảng viên, chương trình đào tạo cần sát với thực tế hơn, tăng tính thực tế của các đồ án chuyên ngành, bổ sung kiến thức hóa học cơ bản, tăng cường thực nghiệm cho sinh viên, giúp sinh viên có thể tiếp xúc với công nghệ mới, trang thiết bị hiện đại (GC, AAS..).
- Đào tạo thêm về kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện trường, thiết bị lấy mẫu môi trường.
- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hội thảo về môi trường, tham quan hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Bổ sung thêm kiến thức về sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Áp dụng thực tế mạng lưới cấp nước nhiều hơn.

- Nâng cao trình độ giao tiếp, ngoại ngữ và tin học.

- Liên hệ các công ty cho sinh viên thực tập để sinh viên có thể tiếp xúc với công việc sớm.

g. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nâng cao chất lượng đào tạo phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Tạo điều kiện cho sinh viên làm việc thực tế nhiều để tích lũy kinh nghiệm.

h. Ngành Kế toán:

- Đào tạo thực tế chuyên sâu hơn về nghiệp vụ ngành, đào tạo kỹ về luật và các chính sách liên quan tới kế toán.

- Đưa các nghiệp vụ kế toán cần thiết vào bài giảng, đào tạo thực tế song song với lý thuyết. Trong giảng dạy nên đưa vào các tình huống cần xử lý trong thực tế.

- Tăng cường ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm.

3. Ý kiến góp ý những giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tăng cơ hội tìm việc làm:

a. Ngành Quản lý đất đai:

- Thực tập chuyên môn nhiều hơn, tăng cường thực tập tại các địa phương để có thể kết hợp giữa lý thuyết của Nhà trường và thực trạng tại địa phương.

- Nhà trường cần tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ.

- Chú trọng đào tạo phần mềm xử lý bản đồ như Auto Cad.

- Có những liên kết, định hướng rõ ràng, tạo điều kiện tìm cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

b. Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ:

- Đào tạo thêm kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và Nhà trường.

c. Ngành Công nghệ thông tin:

- Cần đào tạo sát thực tế, tăng cường thực hành cho sinh viên.

- Đào tạo chuyên sâu về mảng lập trình hoặc quản trị mạng.

- Cho sinh viên tiếp cận môi trường làm việc sớm thông qua việc thực tập tại các công ty để tăng cường kiến thức thực tế về kinh nghiệm chuyên môn.

- Kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp định hướng rõ ràng cho sinh viên trước khi tốt nghiệp.

d. Ngành Khí tượng học:

- Nhà trường cần có kế hoạch dài hạn, đào tạo theo nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, mở rộng các trạm quan trắc.

- Sinh viên cần chủ động tìm kiếm việc làm, cải thiện kỹ năng ngoại ngữ.

e. Ngành Thủy văn:

- Liên kết với các Đài KTTV, các đơn vị có thể sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành thủy văn như thủy lợi, thủy điện, tư vấn xây dựng, giao thông, môi trường để tìm hiểu nhu cầu về số lượng, chất lượng, các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng của sinh viên.

- Nâng cao chất lượng sinh viên từng bước tạo dựng hình ảnh của Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động.

f. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

- Nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lý thuyết và thực hành phải song song, bài giảng gắn vào thực tế công việc trong tương lai.
- Nắm vững các kiến thức căn bản, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế, tăng thời gian thực tập, tăng cường khả năng ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm.
- Không ngại khó, ngại khổ, có ý thức tự giác.
- Mở các hội chợ việc làm để sinh viên có thêm định hướng, giới thiệu các cơ sở thực tập cho sinh viên.

g.Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường:

- Nhà trường cần tăng cường liên kết với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực môi trường và đăng tin tuyển dụng lên webside Nhà trường.

- Nâng cao kỹ năng văn phòng, kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Sinh viên cần tích lũy kinh nghiệm thực tế, tiếp xúc thêm các văn bản, luật liên quan đến lĩnh vực đào tạo.

h. Ngành Kế toán:

- Tích cực tham gia các hoạt động liên kết của Nhà trường với doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng đào tạo, trình độ chuyên môn sát với thực tế, cần được thực hành và tăng cường kỹ năng mềm, ngoại ngữ.
- Cần nắm được nghiệp vụ kế toán, các thông tư mới nhất.
- Thực tập tại các cơ quan trước khi tốt nghiệp, trau dồi kiến thức kế toán thực tế, nắm bắt nhu cầu thị trường, tự tin vào bản thân.

Trên đây là kết quả tổng hợp kết quả lấy ý kiến của nhà tuyển dụng sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp năm 2016. Căn cứ ý kiến của nhà tuyển dụng, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Trường tham khảo và có biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo các ngành đào tạo.

Nơi nhận:
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Hiệu Trưởng (để b/c);
- Các Phó HT (để biết);
- Lưu: VT, CTSV(2).

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Hoàng Anh Huy

Phụ lục 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NHÀ TUYỂN DỤNG

STT	Ngành đào tạo	Tổng số phiếu	Loại hình cơ quan					Tổng số SV cơ quan đang tuyển dụng	Tổng số SV cơ quan sắp tuyển dụng	Kiến thức, kỹ năng										Đánh giá chung		
										Kiến thức		Kỹ năng nghề		Kỹ năng mềm		Ngoại ngữ, tin học		Phẩm chất đạo đức		Đáp ứng kiến thức kỹ năng cần thiết	Đáp ứng một phần kiến thức kỹ năng cần thiết	Không đáp ứng kiến thức kỹ năng cần thiết
										Mức		Mức		Mức		Mức		Mức				
			NhN	NcN	LD	TN	Loại hình khác			1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %			
1	Quản lý đất đai	20	13	0	0	7	0	36	32	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	14	6	0
										1	5%	0	0%	1	5%	1	5%	0	0%			
										15	75%	12	60%	11	55%	11	55%	12	60%			
										4	20%	8	40%	8	40%	8	40%	8	40%			
										0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	65%	0%	0%	35%	0%			20		20		20		20		20		70%	30%	0%
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	19	7	0	2	10	0	36	38	0	0%	0	0	0	0%	0	0%	0	0%	7	12	0
										8	42%	8	42%	3	16%	6	32%	0	0%			
										10	53%	11	58%	12	63%	12	63%	13	68%			
										1	5%	0	0%	4	21%	1	5%	6	32%			
										0	0%	0	0	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	37%	0%	11%	53%	0%			19		19		19		19		19	1	37%	63%	0%
3	Công nghệ thông tin	5	0	0	0	5	0	7	10	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	2	3	0
										0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%			
										5	100%	4	80%	3	60%	3	60%	2	40%			
										0	0%	0	0%	2	40%	2	40%	3	60%			
										0	0%	1	20%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	100%	0%			5		5		5		5		5		40%	60%	0%
4	Quản lý tài nguyên môi trường	9	5	1	0	2	1	10	3	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	5	4	0
										3	33%	0	0%	1	11%	0	0%	0	0%			
										5	56%	8	89%	6	67%	8	89%	8	89%			
										0	0%	0	0%	2	22%	1	11%	1	11%			
										1	11%	1	11%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	56%	11%	0%	22%	11%			9		9		9		9		9		56%	44%	0%
5	Kế toán	19	0	0	0	19	0	22	74	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	8	11	0
										3	16%	2	11%	1	5%	1	5%	1	5%			
										9	47%	8	42%	11	58%	15	79%	6	32%			
										6	32%	8	42%	7	37%	3	16%	12	63%			
										1	5%	1	5%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	100%	0%			19		19		19		19		19		42%	58%	0%

STT	Ngành đào tạo	Tổng số phiếu	Loại hình cơ quan					Tổng số SV cơ quan đang tuyển dụng	Tổng số SV cơ quan sắp tuyển dụng	Kiến thức, kỹ năng										Đánh giá chung		
										Kiến thức		Kỹ năng nghề		Kỹ năng mềm		Ngoại ngữ, tin học		Phẩm chất đạo đức		Đáp ứng kiến thức kỹ năng cần thiết	Đáp ứng một phần kiến thức kỹ năng cần thiết	Không đáp ứng kiến thức kỹ năng cần thiết
										Mức		Mức		Mức		Mức		Mức				
			NhN	NcN	LD	TN	Loại hình khác			1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %	1 2 3 4 K	Tỷ lệ %			
6	Khí tượng học	4	4	0	0	0	0	25	1	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	3	1	
										0	0%	1	25%	0	0%	1	25%	0	0%			
										2	50%	0	0%	2	50%	1	25%	1	25%			
										2	50%	3	75%	2	50%	2	50%	3	75%			
										0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	100%	0%	0%	0%	0%			4		4		4		4		4		75%	25%	0%
7	Thủy văn học	1	1	0	0	0	0	2	4	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	1	0
										0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%			
										1	100%	0	0%	1	100%	1	100%	0	0%			
										0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	1	100%			
										0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%			
		Tỷ lệ %	100%	0%	0%	0%	0%			1		1		1		1		1		0%	100%	0%
8	Trắc địa bản đồ	5	2	0	0	3	0	43	63	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	2	3	0
										0	0%	0	0%	0	0%	1	20%	0	0%			
										2	40%	3	60%	1	20%	2	40%	0	0%			
										1	20%	2	40%	4	80%	1	20%	5	100%			
										2	40%	0	0%	0	0%	1	20%	0	0%			
		Tỷ lệ %	40%	0%	0%	60%	0%			5		5		5		5		5		40%	60%	0%
TỔNG		**82**	**32**	**1**	**2**	**46**	**1**	**181**	**225**	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	**41**	**41**	**0**
										15	18%	11	13%	6	7%	10	12%	1	1%			
										49	60%	46	56%	47	57%	53	65%	42	51%			
										14	17%	22	27%	29	35%	18	22%	39	48%			
										4	5%	3	4%	0	0%	1	1%	0	0%			
		Tỷ lệ %	39%	1%	2%	56%	1%			**82**		**82**		**82**		**82**		**82**		**50%**	**50%**	**0%**

Ghi chú: NN: Nhà nước; NcN: Nước ngoài, LD: Liên doanh; TN: Tư nhân

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

Nguyễn Văn Hưởng

NGƯỜI TỔNG HỢP

Tạ Thị Thủy